

Bản án số: 344/2024/HS-ST
Ngày: 23- 12- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thuỳ Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quân

Ông Nguyễn Công Chiếm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thống – Thư ký Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 447/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1786/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Thông báo thay đổi lịch xét xử ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N – sinh năm: 1990 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1949 và bà Mai Thị N1, sinh năm: 1952; Chồng: Đoàn Văn N2 và có 02 người con sinh năm 2011 và sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 21/01/2024; đến ngày 07/02/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Nguyễn Văn H1 – sinh năm: 1995 tại tỉnh Cà Mau; Nơi thường trú: Khóm G, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P, sinh năm không rõ và bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 21/01/2024 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số B đường L, khu phố E, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn Đ, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số B đường N, phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Anh Quách Huỳnh Đ1, sinh năm: 2000; địa chỉ: Số I N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Anh Phan Thi H3, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số A đường T, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số A đường E, phường A, Quận G, Thành phố H; vắng mặt.

+ Chị Trương Thị Phượng H4, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số E T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Chị Lò Thị T1, sinh năm: 2000; địa chỉ: Số C H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H1 là nhân viên phục vụ của quán Karaoke “Center”, địa chỉ số B đường L, khu phố E, phường T, Quận A, Tp .. Quá trình làm việc H1 có quen biết với Phạm Văn Đ là khách thường xuyên đến quán. Ngày 19/01/2024, Đ nhắn tin cho H1 để đặt tiệc sinh nhật, yêu cầu 10 phục vụ nữ hát karaoke, rót bia nhưng phải có người đồng ý đi bán sâm. H1 đã liên lạc với Nguyễn Thị N để điều phục vụ và nêu rõ yêu cầu của Phạm Văn Đ và được N đồng ý.

Sau đó, N nhắn tin vào nhóm “Show” trên ứng dụng Zalo (nhóm được liên kết các tiếp viên có nhu cầu đi phục vụ bia và hát karaoke cùng khách) để tìm nhân viên phục vụ theo yêu cầu của Đ để xem có ai đồng ý thì N sẽ gửi thông tin, địa chỉ quán để họ đến quán gặp H1 nhưng không có ai trả lời. Vì vậy N đã nhắn tin riêng cho Nguyễn Thị T và được T đồng ý. Do vẫn không đủ nhân viên phục vụ nên N nhắn tin cho chủ tài khoản Z có tên “Giai kỳ” thì “Giai Kỳ” đồng ý gọi thêm cho đủ các tiếp viên đến quán K.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đi cùng với Quách Huỳnh Đ1, Phan Thi H3 và 7 người bạn khác đến quán và được sắp xếp vào phòng Vip 2. Khi thấy khách đến hát, H1 đã liên lạc với N để điều số nhân viên đến phục vụ, ngồi hát cùng khách, trong đó Nguyễn Thị T phục vụ cho H1, Trương Thị Phương H5 phục vụ cho Đ1, Lò Thị T1 phục vụ cho H3, còn 7 nữ khác phục vụ cho các khách còn lại.

Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, do được Đ nhắn tin với nội dung muốn mua sâm với Nguyễn Thị T nên H1 nhắn tin lại cho N và được N đồng ý cho T bán sâm với giá 3.000.000 đồng/01 lượt và yêu cầu chuyển khoản tiền mua sâm trước cho N. Phạm Văn Đ đã chuyển khoản 3.000.000đồng vào tài khoản số 34413667 của H1 mở tại Ngân hàng A. Sau khi nhận được tiền chuyển vào tài khoản, H1 đã nói T đi bán sâm cho Đ và khi xong sẽ gặp N để nhận tiền bán sâm.

Sau đó Đ và T đến khách sạn “Ánh Đông” địa chỉ tại số 1 đường N, phường T, Quận A, thuê phòng 202 để quan hệ tình dục. Vào khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi quan hệ tình dục xong, cả hai quay lại quán Karaoke tiếp tục hát và ăn nhậu.

Đến khoảng 20 giờ 40 cùng ngày, Đ1 và H3 nói với H1 là muốn được mua dâm, sau khi nhắn tin cho N và được N đồng ý, Đ1 đã chuyển 3.000.000đồng vào số tài khoản của H1; H3 chuyển cho H1 3.500.000đồng (trong đó 3.000.000 đồng tiền mua dâm, 500.000đồng tiền bo phục vụ). Sau đó H1 nói H5 và T1 đi bán dâm cho khách. Tiếp đó Đ1, H5 vào phòng 203 Khách sạn Á để quan hệ tình dục; H3, T1 vào phòng 205 Khách sạn Á để quan hệ tình dục để quan hệ tình dục. Khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, khi các đối tượng trên đang quan hệ tình dục với nhau thì bị Cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang. Qua lời khai ban đầu của các đối tượng Cơ quan Công an tiếp tục kiểm tra quán Karaoke “Center”, tại phòng Vip 2 nhóm của Đ vẫn đang hát karaoke nên triệu tập làm việc.

Sau khi nhận tiền do khách mua dâm chuyển trả tiền mua dâm, H1 đã chuyển 9.000.000đồng vào tài khoản số 5406205267187 của N tại ngân hàng A1. N chuyển số tiền 2.450.000đồng vào tài khoản số 23884407 của T tại ngân hàng A và chuyển số tiền 4.950.000đồng cho “Giai Kỳ” vào tài khoản số 33356789999 thuộc ngân hàng M1 mang tên MAI LE YEN. Lò Thị T1 nhận được số tiền 2.000.000đồng vào tài khoản số 1362000868686 thuộc ngân hàng M1 từ tài khoản ngân hàng số 33356789999 mang tên Mai Le Y. Trương Thị Phương H5 chưa nhận được tiền bán dâm. N thu lợi số tiền 1.600.000đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 02 bao cao su hiệu Eros đã qua sử dụng.
- Tiền ngân hàng N3 6.050.000đồng.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, số Imei1: 357220097952496, số Imei2: 357220097544632 thu giữ của Nguyễn Thị N.
- 01 điện thoại di động Vivo màu xanh, số Imei: 867251055440268 thu giữ của Nguyễn Văn H1.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1 khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Công bố lời khai của những người liên quan và lời khai của những người làm chứng như các bị cáo đã khai tại phiên tòa.

Tại Cáo trạng số 216/CT-VKSQ12 ngày 03/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1 về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Thị N); các điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”.

Đề nghị áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo H1 từ 10.000.000đồng đến 20.000.000đồng; không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo N.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu tiêu huỷ 02 bao cao su hiệu Eros đã qua sử dụng

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 6.050.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, số Imei1: 357220097952496, số Imei2: 357220097544632 thu giữ của Nguyễn Thị N; 01 điện thoại di động Vivo màu xanh, số Imei: 867251055440268 thu giữ của Nguyễn Văn H1.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của những người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định:

Ngày 19/01/2024, các bị cáo Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị N đã có hành vi môi giới cho Phạm Văn Đ mua dâm của Nguyễn Thị T; Quách Huỳnh Đ1 mua dâm Trương Thị Phương H5; Phan Thị H3 mua dâm Lò Thị T1 tại khách sạn “Ánh Đông” tại địa chỉ số I đường N, phường T, Quận A.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1 đã phạm vào tội “Môi giới mại dâm” quy định tại Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố.

[3] Xét tình tiết định khung hình phạt: Hành vi môi giới cho Quách Huỳnh Đ1 mua dâm Trương Thị Phương H5; Phan Thị H3 mua dâm Lò Thị T1 đã vi phạm điểm đ

khoản 2 Điều 238 Bộ luật Hình sự “*Đối với 02 người trở lên*”. Ngoài hành vi trên, trước đó trong cùng ngày 19/01/2024 các bị cáo còn có hành vi môi giới cho Phạm Văn Đ mua dâm Nguyễn Thị T nên hành vi của các bị cáo đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 238 Bộ luật Hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, trái với văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc nên phải xử phạt nghiêm khắc.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú và đã nộp tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về phân hoá vai trò và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn H1 là người khởi xướng, đã liên hệ với bị cáo Nguyễn Thị N để tìm người bán dâm theo yêu cầu của Phạm Văn Đ và cũng là người thoả thuận về giá mua dâm và nhận tiền của người mua dâm nên có vai trò cao hơn bị cáo N. Bị cáo N là người thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, đã tìm người bán dâm, thoả thuận và trả tiền bán dâm cho người bán dâm nên có vai trò thấp hơn so với bị cáo H1. Xét thấy bị cáo N có vai trò thấp hơn bị cáo H1 và có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên phải chịu mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo H1. Xét thấy các bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung hình phạt nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo và tính chất mức độ tội phạm do các bị cáo thực hiện nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với 02 bao cao su hiệu Eros đã qua sử dụng do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với số tiền 6.050.000đồng (trong đó bị cáo N nộp 1.600.000đồng, Nguyễn Thị T nộp 2.450.000đồng, Lò Thị T1 nộp 1.600.000đồng) là tiền có được do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, số Imei1: 357220097952496, số Imei2: 357220097544632 thu giữ của Nguyễn Thị N và 01

điện thoại di động Vivo màu xanh, số Imei: 867251055440268 thu giữ của Nguyễn Văn H1 sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu sung công.

[9] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Nguyễn Văn H1 do có hành vi môi giới cho Phan Thi H3 mua dâm nên được Phan Thi H3 chuyển thêm 500.000đồng, đây cũng là số tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo H1 nộp sung công số tiền trên.

[10] Về vấn đề khác:

Đối với chủ tài khoản số 33356789999 tên MAI LE YEN thuộc Ngân hàng M2, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi yêu cầu đề nghị Ngân hàng M2 cung cấp thông tin hồ sơ đăng ký nhưng chưa có kết quả, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q tiếp tục xác minh và đề nghị xử lý sau.

Đối với Công ty TNHH Á, không biết việc các bị cáo thực hiện hành vi môi giới mại dâm nhưng đã không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú, Công an Q đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

Nguyễn Văn H1 khai các bị cáo thực hiện hành vi môi giới mại dâm được sự đồng ý của bà Nguyễn Thị H2 - chủ quán Karaoke C nhưng ngoài lời khai, bị cáo H1 không còn chứng cứ nào khác và bà H2 cũng không thừa nhận lời khai của bị cáo H1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không có căn cứ xử lý bà H2 đồng phạm về tội “Môi giới mại dâm”.

Đối với những người mua dâm là Phạm Văn Đ, Quách Huỳnh Đ1, Phan Thi H3 đã mua dâm Nguyễn Thị T, Trương Thị Phương H5 và Lò Thị T1, Công an phường T, Quận A đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N và bị cáo Nguyễn Văn H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1 phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Thị N tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/01/2024 đến ngày 07/02/2024.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Thị N đến khi đi thi hành án.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 04 (bốn) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Văn H1 tính từ ngày 21/01/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000đồng (Năm trăm ngàn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021

+ Tịch thu tiêu huỷ: 02 bao cao su hiệu Eros đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền Ngân hàng N3 6.050.000đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi ngàn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, số Imei1: 357220097952496, số Imei2: 357220097544632 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số I: 867251055440268.

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 185/QĐ-VKS ngày 03/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM (1);
- VKSND Tp . HCM (1);
- Sở Tư pháp Tp . HCM (1);
- Phòng PC53 Công an Tp . HCM (1);
- VKSND Quận 12 (2)
- Công an Quận 12 (2)
- Chi cục THA Dân sự Quận 12 (1);
- UBND và Công an phường nơi bị cáo cư trú (2);
- Bị cáo (1)
- Những người tham gia tố tụng khác (2);
- Bộ phận THA hình sự (5)
- Lưu hồ sơ, văn thư (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thuỳ Trang

